

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nga

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Nga bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	RUS2080	Tiếng Nga 1A	3	6
4	RUS2081	Tiếng Nga 1B	3	6
	RUS2083	Tiếng Nga 2B	0	3
Cộng			14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng hỗ trợ	3	3
8	RUS2082	Tiếng Nga 2A	3	6
9	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	6
10	RUS2083	Tiếng Nga 2B	3	3
(Tiếng Nga 2B SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)				
Cộng			18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6
14	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6
15	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
16-17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1059	Thông kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
Cộng			17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
20	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
21	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	3	3
(Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)				
22-23		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
Cộng			17	23

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6
26	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3
27	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3
28	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
29	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
32	RUS3030	Phiên dịch	3	3
33	RUS3017	Biên dịch	3	3
34	RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
36		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	6	6
	RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	9	9
	RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3

<i>FLF1056</i>	<i>Tư duy phê phán</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
<i>HIS1053**</i>	<i>Lịch sử văn minh thế giới</i>	<i>3</i>	<i>3</i>

<i>RUS3038</i>	<i>Giao tiếp và lễ tân ngoại giao</i>	<i>3</i>	<i>3</i>
<i>RUS3048</i>	<i>Hướng dẫn du lịch</i>	<i>3</i>	<i>3</i>

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nga

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Nga bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6
4	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLFI052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
9	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
10	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại (Tiếng Nga giao tiếp đương đại sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
14	RUS2093	Viết luận đại học	3	6
15	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
16-17		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLFI053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
18	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
19	RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6
20	RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
21	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
22-23		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	17	23

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
24	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
25	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6
26	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3
27	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3
28	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
29	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Cộng	17	20

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
30	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
31	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
32	RUS3030	Phiên dịch	3	3
33	RUS3017	Biên dịch	3	3
34	RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
36		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	6	6
	RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
		Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	9	9
	RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
		Cộng	19	19

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nga

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Du lịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Nga bậc 1

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)					
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		
2		Giáo dục thể chất	4		

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	RUS2080	Tiếng Nga 1A	3	6
4	RUS2081	Tiếng Nga 1B	3	6
	RUS2083	Tiếng Nga 2B	0	3
		Cộng	14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3
8	RUS2082	Tiếng Nga 2A	3	6
9	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	6
10	RUS2083	Tiếng Nga 2B	3	3
		(Tiếng Nga 2B sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
		Cộng	18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6
14	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thống	3	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
		Cộng	17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
19	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
20	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	3	3
		(Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)		
21-22		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
		Cộng	17	23

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
23	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
24	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6
25	RUS3043	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
26	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3
27	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
28	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Cộng	17	20

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	RUS3017	Biên dịch	3	3
31	RUS3030	Phiên dịch	3	3
32	RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
33	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
34	RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/ và HK 7)	6	6
	RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
36		Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/ và HK 7)	9	9
	RUS3046	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	RUS3045	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	3
		Cộng	22	22

Năm học 2025-2026

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KHÓA QH2022.F.1 (2022-2026) ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị: Khoa Ngôn ngữ và văn hóa Nga

Ngành/ Định hướng: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Du lịch

Dành cho SV có năng lực tiếng Nga bậc 4

CÁC HỌC PHẦN THUỘC KHỐI KIẾN THỨC CHUNG TRONG ĐHQGHN (Sinh viên đăng kí học theo kế hoạch năm học cụ thể. Số tín chỉ cho các học phần này không tính vào tổng số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo)									
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết	TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Môn tiên quyết
1		Giáo dục an ninh quốc phòng	8		2		Giáo dục thể chất	4	

CÁC MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC KHỐI NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH

Năm học 2022-2023

Học Kỳ 1				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
1	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3
2		Ngoại ngữ B1	5	5
3	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6
4	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3
Cộng			14	23

Học Kỳ 2				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
5	PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
6	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
7	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
	FLF1018	Kỹ năng bố trí	3	3
8	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6
9	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6
10	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	3
(Tiếng Nga giao tiếp đương đại sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)				
Cộng			18	27

Năm học 2023-2024

Học Kỳ 3				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
11	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3
12	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2
13	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6
14	RUS2093	Viết luận đại học	3	6
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
15-16		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3
	FLF1054	Thư pháp	3	3
	FLF1055	Cổ học tinh hoa	3	3
Cộng			17	26

Học Kỳ 4				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
17	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
18	RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6
19	RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
20	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	3	3
(Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)				
21-22		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
	FLF1016	Địa chính trị	3	3
	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
Cộng			17	23

Năm học 2024-2025

Học Kỳ 5				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
23	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2
24	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6
25	RUS3043	Nhập môn khoa học du lịch	3	3
26	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3
27	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3
28	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 4 hoặc HK 5)	6	6
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3

Học Kỳ 6				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/tuần
29	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
30	RUS3017	Biên dịch	3	3
31	RUS3030	Phiên dịch	3	3
32	RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
33	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
34	RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
35	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2
		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK7)	6	6

	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK 3 hoặc HK 5)	6	6
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3
		Cộng	17	20

	RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
36		Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK7)	9	9
	RUS3046	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	RUS3045	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3
		Cộng	22	22

Năm học 2025-2026

Học Kỳ 7				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
37	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
38-39		Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	6	6
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3
	RUS2031	Đổi chiều tiếng Nga và tiếng Việt	3	3
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3
	RUS2047	Văn học Nga 2	3	3
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3
40-41		Tự chọn khối V.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	9	9
	RUS3033	Tiếng Nga du lịch nâng cao	3	3
	RUS3019	Địa lý văn hóa du lịch	3	3
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3
	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3
	RUS3047	Kinh tế du lịch	3	3
	RUS3029B	Phương pháp dạy-học tiếng Nga	3	3
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3
	ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3
		Cộng	15	15
		Tổng số tín chỉ toàn khóa:	129	

Học Kỳ 8				
TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ/ tuần
42	RUS4001	Thực tập	3	
43-44	RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V	6	
		Các học phần thay thế thi tốt nghiệp		
	RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
	RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
		Cộng	9	

Với các nhóm học phần tự chọn triển khai giảng dạy tại nhiều học kì, Sinh viên đã tích lũy đủ HP ở học kì này sẽ không tích lũy ở học kì khác.

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Ngô Thị Minh Thu

Nguyễn Thúy Lan

Hà Lê Kim Anh